

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2022.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Thị Thiện

2. Ông Đoàn Anh Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 577/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà TTTL, sinh năm 1997; thường trú: Xóm 10, T 3 YT, xã TL, huyện TX, tỉnh TH; tạm trú: 95/17 khu phố BP, phường BC, thành phố TA, tỉnh BD, có mặt.

- Bị đơn: Ông LVC, sinh năm 1992; thường trú: Xóm 10, T 3 YT, xã TL, huyện TX, tỉnh TH; tạm trú: 337/2 TKH, khu phố HL 2, phường TG, thành phố TA, tỉnh BD, có mặt

- Người làm chứng:

1. Bà TTH, sinh năm 1960; thường trú: 102/17 khu phố BP, phường BP, thành phố TA, tỉnh BD, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà LTT, sinh năm 1966; trú tại: 337/2 TKH, khu phố HL 2, phường TG, thành phố TA, tỉnh BD, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà TTTL trình bày:* Bà TTTL và ông LVC có thời gian tìm hiểu khoảng 06 tháng và tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới nhưng được sự đồng ý của gia đình hai bên. Ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận kết hôn số 67

ngày 07/9/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, ông C bạo lực gia đình. Bà L và ông C đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà Lam yêu cầu được ly hôn với ông LVC.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên LTCT, sinh ngày 21/3/2017. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bà không bế con đi được nên để lại cho ông C nuôi, đồng thời do sống cùng mẹ chồng nên bà cũng yên tâm con bà có bà nội chăm sóc. Bà có tới thăm con nhưng không phải lần nào được thăm con nên bà đến chỗ gửi cháu T để thăm cháu, đợt tết âm lịch năm 2021 bà có gửi quà cho cháu nhưng ông C trả lại nên bà không đón con qua cùng mà đón tết cùng bạn ở Bình Phước, thời gian sau này ông C tạo điều kiện cho bà thăm nom con bình thường. Theo bà quan sát thấy cháu T vẫn phát triển tốt, mạnh khỏe. Bà L trình bày hiện nay bà đi làm tại công ty, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) nên bà xác định có khả năng nuôi con, do đó bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung LTCT, sinh ngày 21/3/2017.

+ Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 02/12/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông LVC trình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà Lyêu cầu được ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

+ Về con chung: Có 01 con chung tên LTCT, sinh ngày 21/3/2017. Sau khi bà L bỏ đi thì ông cùng mẹ ruột chăm sóc cháu, ban ngày vẫn gửi cháu T ở nhà bà H, còn ông và mẹ ông là bà LTT chăm sóc cháu vào buổi tối, các ngày nghỉ, lễ tết. Khi dịch covid bùng phát lần thứ 4 thì ông mở tiệm cầm đồ Trung Linh từ tháng 7/2021 và cho cháu T ở nhà chăm sóc, mẹ ông vẫn đi làm vào ban ngày, phụ ông C chăm sóc cháu ban đêm, các ngày nghỉ, lễ tết, hiện nay bà T vẫn đang ở cùng ông C, thu nhập mỗi tháng khoảng 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) nên ông có điều kiện chăm sóc cháu tốt, do đó ông C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung LTCT, sinh ngày 21/3/2017.

+ Về cấp dưỡng: Ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2021 người làm chứng bà TTH trình bày:* Bà nhận nuôi giữ cháu LTCT, sinh ngày 21/3/2017 từ khi cháu T được gần 02 tuổi để bà L và ông C đi làm cho đến dịch covid bùng phát lần thứ 4 thì không giữ cháu. Quá trình trông giữ cháu T vào khoảng tháng 01 năm 2020 thì bà có nghe ông C nói vợ chồng ông bà mâu thuẫn, bà L đã bỏ đi nên bà cảm thông và tiếp tục giữ cháu T để ông C yên tâm đi làm, ngoài ông C thì còn bà nội cháu trông phụ, quá trình trông giữ thì bà L có đến thăm con và mua quà nhưng bà không cho đem cháu đi vì bà nhận cháu từ ông C nên chỉ giao cháu cho ông C, bà tạo điều kiện để bà L ngồi chơi với cháu T bà không ngăn cản, quá trình chăm sóc cháu bà quan sát thấy cháu không có dấu hiệu bị bạo hành, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/12/2021 người làm chứng bà LTT trình bày:* Bà là mẹ ruột ông C, bà L là con dâu của bà, bà L làm dâu nhà bà từ khi vợ chồng kết hôn. Quá trình chung sống mẫu thuẫn vợ chồng do con trai bà cục tính, con dâu tính tình trẻ con nên phát sinh mâu thuẫn, khi vợ chồng mâu thuẫn vào tháng 01 năm 2020 thì ông chung bế con lên gác, bà L lên sau có sờ vào con và gấp quần áo bỏ đi. Sau khi con dâu bỏ đi thì cháu L vẫn được gửi nhà bà H, bà phụ ông C chăm cháu vào buổi tối và các ngày nghỉ lễ, tết. Khi dịch covid bùng phát lần thứ 4 thì cho cháu T ở nhà, ông C nghỉ việc và mở tiệm cầm đồ Trung Linh từ tháng 7/2021 và chăm sóc cháu, bà vẫn đi làm vào ban ngày, bà phụ ông C chăm sóc cháu ban đêm, các ngày nghỉ, lễ tết, hiện nay bà vẫn đang ở cùng ông C, quá trình cùng ông C chăm sóc cháu T không để xảy ra điều tiếng gì ở địa phương, đồng thời bà có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán, thư ký được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Về hôn nhân: Đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông C. Về con chung: Đề nghị giao con chung LTCT, sinh ngày 21/3/2017 cho ông LVC được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nên vấn đề cấp dưỡng không xem xét. Về tài sản chung; quyền và nghĩa vụ về tài sản đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông LVC có tạm trú tại địa chỉ 337/2 Thủ Khoa Huân, khu phố Hòa Tân 2, phường Thuận Giao, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 36; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung. Như vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà TTTL và ông LVC có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 07/9/2016, do đó quan hệ hôn nhân của bà L và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Bà TTTL khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông LVC với lý do: do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, ông C bạo lực gia đình. Bà L và ông C đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống. Tại phiên tòa ông C đồng ý ly hôn do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông C.

Về con chung: Bà L và ông C có 01 con chung tên LTCT, sinh ngày 21/3/2017. Cả bà L và ông C đều yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà L và ông C đều thống nhất khi bà L bỏ đi, bà L nhận thấy có mẹ chồng là bà T vẫn ở cùng nên cháu Tiên được chăm sóc tốt, bà vẫn được tới thăm nom con, hiện nay bà T vẫn đang ở cùng ông L và chăm sóc cháu T, cháu T vẫn phát triển tốt, mạnh khỏe. Theo biên bản xác minh cùng ngày 05/01/2022 tại địa phương thì trên địa bàn phường Bình Chuẩn và địa bàn phường Thuận Giao trong thời gian bà L và ông C sinh sống và tại nơi cư trú của ông C hiện nay thì địa phương không tiếp nhận đơn trình báo hay thông tin nào liên quan đến việc bạo hành cháu LTCT, sinh ngày 21/3/2017, đồng thời ông C có nơi cư trú và kinh tế ổn định, có bà T cùng chăm sóc cháu, bà L vẫn được tạo điều kiện thăm nom cháu T bình thường. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu T cần tiếp tục giao cháu LTCT, sinh ngày 21/3/2017 cho ông C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con nên bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của bà TTTL về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông LVC.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn bà TTTL với bị đơn ông LVC.

- Về con chung: Giao con chung LTCT, sinh ngày 21/3/2017 cho ông LVC được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, quyền và nghĩa vụ về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

## 2. Về án phí sơ thẩm:

Bà TTTL phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001855 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### ***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Nhâm**